

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

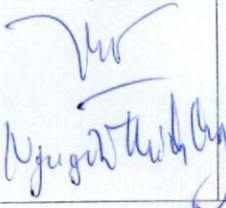
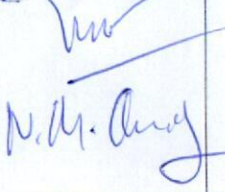
Môn học: **Thực tập vi điều khiển (228273) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Minh Quang (280011)**

Số SV có mặt:18.....

Số bài thi:18.....

Số tờ giấy thi:18.....

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120060005	PHAN THANH DUY	08/12/2002	CCQ2006A						6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060038	LƯƠNG TIẾN ĐẠT	26/02/2002	CCQ2006B						5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120060006	NGUYỄN VĂN ĐỨC	23/08/2001	CCQ2006A						6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120060007	PHAN VĂN HẬU	16/09/2002	CCQ2006A						7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120060041	KHÊ VĂN HIỆP	14/04/2002	CCQ2006B						5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120060011	NGUYỄN THỊ NGỌC	18/05/2002	CCQ2006A						5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120060014	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/12/2002	CCQ2006A						2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2118060018	VÕ VĂN HUỖNH	13/09/2000	CCQ1806A						5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2118060021	ĐẶNG MINH MÃN	22/11/2000	CCQ1806A						5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120230001	TRẦN THANH NGÂN	22/06/2002	CCQ2006B						5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120060015	NGUYỄN THANH NGHIỆP	26/10/2002	CCQ2006A						8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060016	BÙI VĂN NGUYỄN	16/01/2002	CCQ2006A						7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120060017	DIỆP BẢO QUỐC	12/10/2002	CCQ2006A						5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120060018	ĐẶNG VIỆT QUỐC	25/07/2002	CCQ2006A						6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2118060029	ĐOÀN THẾ SƠN	27/04/2000	CCQ1806A						4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120060023	PHẠM ĐỨC THỐNG	18/10/2002	CCQ2006A						5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120060028	PHẠM VĂN TOÀN	04/10/2002	CCQ2006A						4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120060032	TRƯƠNG ANH TUẤN	23/03/2000	CCQ2006A						8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

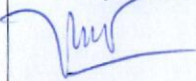
Môn học: **Thực tập vi điều khiển (228273) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Minh Quang (280011)**

Số SV có mặt: 19.....

Số bài thi: 19.....

Số tờ giấy thi: 19.....

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120060056	NGUYỄN TRỌNG ÂN	20/12/2002	CCQ2006B						7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060002	NGUYỄN THÀNH CHUNG	01/07/2002	CCQ2006A						3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120060064	NGUYỄN NHẬT HÀO	11/05/2002	CCQ2006A						5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120060009	NGUYỄN THÁI HOÀNG	15/04/2002	CCQ2006A						3,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120060008	PHAN MẠNH HOÀNG	11/11/2001	CCQ2006A						7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120060012	LÊ QUANG KHANG	10/07/2002	CCQ2006A						5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120060013	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	15/11/1999	CCQ2006A						6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120060044	LÊ SỸ LƯƠNG	04/01/2002	CCQ2006B						8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120060057	LẠI KIM ANH	28/04/2002	CCQ2006B						6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120060058	LÊ THỊ THÚY NHI	26/04/2002	CCQ2006B						5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120060045	TRƯƠNG VÕ HOÀNG PHÚC	24/08/2002	CCQ2006B						7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060019	NGUYỄN ĐỨC TÂM	29/03/2002	CCQ2006A						5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120170132	VÕ VĂN TÂM	22/03/2002	CCQ2006B						5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120060020	DƯƠNG QUANG MINH TÂN	06/03/2001	CCQ2006A						4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120060067	MAI THỊ THÈM	16/02/2002	CCQ2006A						6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120060026	LÊ TRỌNG TÍN	07/07/2002	CCQ2006A						4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120060027	NGUYỄN QUỐC TOÀN	25/01/2002	CCQ2006A						5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2117060092	LÊ QUỐC VŨ	29/07/1999	CCQ1706B						5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120060035	NGUYỄN TIỂU YẾN	09/08/2002	CCQ2006A						5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9